

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *3116*/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 30 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ Ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái thay thế Bộ tiêu chí Ban hành kèm theo Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật An toàn thông tin ngày 19/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 940/TTr - STTTT ngày 03/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá mức độ Ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái thay thế Bộ tiêu chí Ban hành kèm theo Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ^N

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THCB, VX. dm

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Nguyễn Chiến Thắng

BỘ TIÊU CHÍ

Đánh giá mức độ Ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Kèm theo Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái)



TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Chấm điểm
I	HẠ TẦNG KỸ THUẬT CHO ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		24	
1	Phần cứng		16	
1.1	Tỷ lệ số lượng máy tính / tổng số CBCC của đơn vị.	Điểm = $\frac{\sum \text{máy tính}}{\sum \text{CBCCVC của đơn vị}}$ x điểm tối đa	4	
1.2	Tỷ lệ máy tính có kết nối mạng nội bộ (LAN)/ tổng số máy tính của đơn vị.	Điểm = $\frac{\sum \text{máy tính}}{\sum \text{CBCCVC của đơn vị}}$ x điểm tối đa	4	
1.3	Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet băng thông rộng/ tổng số máy tính của đơn vị. (không tính máy bảo mật)	Điểm = $\frac{\sum \text{máy tính}}{\sum \text{CBCCVC của đơn vị}}$ x điểm tối đa	4	
1.4	Mạng LAN đã có hệ thống an toàn dữ liệu (từ/băng đĩa/ SAN/ NAS...)	- Có: 4 điểm - Không: 0 điểm	4	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Chấm điểm
2	Phần mềm		8	
2.1	Tỷ lệ máy tính cài đặt hệ điều hành Windows bản quyền hoặc mã nguồn mở	Điểm = $\frac{\sum \text{máy tính}}{\sum \text{CBCCVC của đơn vị}}$ x điểm tối đa	4	
2.2	Tỷ lệ máy tính cài đặt phần mềm văn phòng bản quyền hoặc mã nguồn mở (<i>Microsoft Office Word, Excel, powerpoint hoặc các phần mềm nguồn mở tương ứng Soạn thảo văn bản - Writer; Bảng tính điện tử - Calc; Trình chiếu - Impress ...</i>)	Điểm = $\frac{\sum \text{máy tính}}{\sum \text{CBCCVC của đơn vị}}$ x điểm tối đa	4	
II	NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		14	
1	Cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về công nghệ thông tin và đảm bảo an ninh thông tin	- Có: 5 điểm - Không: 0 điểm	5	
2	Trình độ CNTT của cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm được giao quản lý về CNTT tại đơn vị (<i>Chỉ tính mức độ đạt điểm cao nhất mà không cộng dồn tổng số điểm của các hình thức đào tạo</i>)	- Trên đại học: 5 điểm. - Đại học: 3 điểm. - Cao đẳng: 2 điểm - Trung cấp và chuyên ngành khác: 1 điểm	5	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Chấm điểm
3	Cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm CNTT có một trong các chứng chỉ nâng cao (MCSA, CCNA, CCNP, Network Security,)?	- Có: 4 điểm - Không: 0 điểm	4	
III	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	26	24	
1	Tỷ lệ CBCC sử dụng hòm thư điện tử chính thức của tỉnh (hòm thư công vụ)/ tổng số CBCC của đơn vị (<i>chỉ tính tài khoản cá nhân của CBCC</i>)	$\text{Điểm} = \frac{\sum \text{cán bộ sử dụng hòm thư công vụ}}{\sum \text{CBCC của đơn vị được cấp tài khoản thư}} \times \text{điểm tối đa}$	4	
2	Tỷ lệ văn bản đến được xử lý theo quy trình của phần mềm QLCV, ĐH (<i>Không tính văn bản mật</i>).	$\text{Điểm} = \frac{\sum \text{văn bản đến được xử lý trên phần mềm}}{\sum \text{văn bản đến của đơn vị}} \times \text{điểm tối đa}$	4	
3	Triển khai các phần mềm ứng dụng cơ bản - PM quản lý nhân sự: - PM quản lý Tài chính – Kế toán: - PM quản lý tài sản cố định: - PM CSDL chuyên ngành - Phần mềm khác (liệt kê):	Mỗi ứng dụng đạt 1 điểm (<i>nếu số lượng phần mềm vượt quá số lượng ghi tại mục này thì sẽ được tính tỷ lệ tăng thêm để làm điểm ưu tiên khi tổng số điểm của các đơn vị bằng điểm nhau</i>)	4	
4	Tỷ lệ văn bản đi được xử lý theo quy trình Công văn đi của phần mềm QLVB, ĐH (<i>Không tính văn bản mật</i>)	$\text{Điểm} = \frac{\sum \text{văn bản đi được xử lý trên phần mềm}}{\sum \text{văn bản đi của đơn vị}} \times \text{điểm tối đa}$	4	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Chấm điểm
5	Lãnh đạo phụ trách CNTT tại cơ quan, đơn vị.	- Thủ trưởng đơn vị: 4 điểm - Cấp phó: 2 điểm - Không: 0 điểm	4	
6	Tỷ lệ cán bộ sử dụng phần mềm mã nguồn mở (<i>phần mềm Soạn thảo văn bản - Writer; Bảng tính điện tử - Calc; Mozilla Thunderbird, Mozilla Firefox, Unikey ...</i>)	Điểm = $\frac{\sum \text{máy tính}}{\sum \text{CBCCVC của đơn vị}}$ x điểm tối đa	4	
IV	CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN		15	
1	Tỷ lệ máy tính có cài đặt phần mềm diệt virus /tổng số máy tính của cơ quan, đơn vị.	Điểm = $\frac{\sum \text{máy tính có cài đặt PM diệt virus}}{\sum \text{máy tính của đơn vị}}$ x điểm tối đa	3	
2	Tổ chức đánh giá, kiểm tra an toàn thông tin định kỳ hàng năm cho hệ thống CNTT của cơ quan.	- Có: 3 điểm - Không: 0 điểm	3	
3	Cài đặt các ứng dụng bảo vệ như hệ thống phòng chống truy cập trái phép, hệ thống tường lửa...	- Có: 3 điểm - Không: 0 điểm	3	
4	Cử cán bộ tham gia đào tạo, tập huấn chuyên sâu hàng năm về an toàn an ninh thông tin.	- Có: 3 điểm - Không: 0 điểm	3	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Chấm điểm
5	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật và nội quy của cơ quan về công nghệ thông tin cho CBC	- Có: 3 điểm - Không: 0 điểm	3	
V	MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHO ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		23	
1	Cơ chế - Chính sách phát triển và ứng dụng CNTT.		15	
1.1	- Ban hành Quyết định thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo CNTT của đơn vị áp dụng đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Đối với các sở, ban ngành giao cho Lãnh đạo phụ trách CNTT và cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm bằng văn bản.	- Có: 3 điểm - Không: 0 điểm	3	
1.2	- Ban hành Quyết định thành lập, kiện toàn Ban biên tập và quy chế hoạt động của ban biên tập trang thông tin điện tử.	- Có: 3 điểm - Không: 0 điểm	3	
1.3	- Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tại đơn vị (vận hành mạng, trang thiết bị công nghệ thông tin...)	- Có: 3 điểm - Không: 0 điểm	3	
1.4	- Ban hành Quy chế quản lý phần mềm QLVB điều hành nội bộ.	- Có: 3 điểm - Không: 0 điểm	3	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Chấm điểm
1.5	- Kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT hàng năm.	- Có: 3 điểm - Không: 0 điểm	3	
2	Ngân sách chi cho công nghệ thông tin của đơn vị trong năm và nguồn vốn đầu tư cho công nghệ thông tin.		8	
2.1	- Chi cho đào tạo nâng cao và đào tạo lại trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cho CBCC tại đơn vị	- Có: 4 điểm - Không: 0 điểm	4	
2.2	- Chi cho mua sắm, duy trì, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ, trang thiết bị hạ tầng CNTT, phần mềm,... tại đơn vị/năm	- Có: 4 điểm - Không: 0 điểm	4	
	Tổng cộng		100	

Ghi chú:

- Σ : tổng số.
- CNTT: công nghệ thông tin.
- CBCC: cán bộ công chức.
- CQNN: cơ quan nhà nước.